

**Bản án số: 109 /2021/ HNGĐ-ST**

**Ngày: 09 - 11 -2021**

**“V/v Ly hôn giữa chị D và anh N”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.*

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81 /2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị **Huỳnh Ngọc D**, sinh năm 1998.

NKTT: khu A, ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 107 đường V, khu phố P1, phường B, thành phố T1, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thái N**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: tổ 6, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

( Chị D xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện N đơn chị Huỳnh Ngọc D trình bày:* Do quen biết và được gia đình 02 bên đồng ý nên chị và anh N tiến đến hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã P, huyện T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường hay cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 08/2020 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thái H sinh ngày 15/11/2018, hiện do chị nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị D xin được ly hôn anh N. Con chung chị yêu cầu nuôi, anh N phải cấp dưỡng.

***- Bị đơn anh Trần Thái N dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.***

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Thái N. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: N đơn chị Huỳnh Ngọc D ngày 04/5/2021 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm, không có thời gian đến Tòa án. Đối với anh Trần Thái N dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị D và anh N tiến đến hôn nhân năm 2018 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn năm 2019. Tuy nhiên, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. N nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau. Theo xác nhận của khu phố P1, phường B, thành phố T1 thì hiện tại chỉ có chị D sống cùng con là cháu Trần Thái H. Đối với anh N trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã không tham gia hòa giải, xét xử dù được Tòa án triệu tập. Từ đó cho thấy anh không thiết tha hàn gắn đoàn tụ cùng chị D, tình cảm vợ chồng anh chị đã thật sự đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị D được ly hôn với anh N là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thái H sinh ngày 15/11/2018, hiện do chị nuôi dưỡng. Đối với anh N không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị D. Xét thấy, hiện con chung chưa tròn 36 tháng tuổi và đang sống ổn định với chị D. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống con nên Hội đồng

xét xử xem xét giao cháu Trần Thái H cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh N không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D. Xét thấy, cấp dưỡng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con đối với con chưa thành niên. Cho nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên chị không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể, không cung cấp chứng cứ về khả năng cấp dưỡng của anh N. Anh chị cũng không thỏa thuận mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử xem xét nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng xác định mức cấp dưỡng cho cháu Hào là 1.000.000đồng/ tháng là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Ngọc D ly hôn với anh Trần Thái N.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Trần Thái Hào sinh ngày 15/11/2018 cho chị Huỳnh Ngọc D nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Thái N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Trần Thái H đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004920 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

Anh Trần Thái N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Bản án, quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

4.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N chậm thi hành đối với số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Ngọc D, anh Trần Thái N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng phần quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**

